

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST

Ngày 22 - 9 - 2020

“Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TV, TỈNH TV**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tà
2. Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền, Thư ký - Tòa án nhân dân thành phố TV, tỉnh TV.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TV, tỉnh TV tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố TV, tỉnh TV tiến hành xét xử sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân & gia đình thụ lý số: 150/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc, *“Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con”*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 (Quyết định hoãn phiên tòa số: 87/2020/DS-ST ngày 11/9/2020), giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị B L, sinh năm 1992 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp Bàu Sơn, xã Đa Lộc, huyện CT, tỉnh TV.

Bị đơn: Anh Thạch Dương C, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 148, khóm 8, phường 6, thành phố TV, tỉnh TV.

Con chung chưa thành niên:

- Em Thạch Dương TL, sinh ngày 28/12/2010 (có đơn xin vắng mặt);
 - Em Thạch Dương KD, sinh ngày 19/10/2015 (có đơn xin vắng mặt).
- Cùng nơi cư trú: Số 148, khóm 8, phường 6, thành phố TV, tỉnh TV.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Dương Thị Bít Loan trình bày: Chị và

anh Thạch Dương C xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 9 (số 01/2010 Quyển số 01 ngày 05/7/2010), thành phố TV, tỉnh TV. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra, nên chị L và anh C đã sống ly thân cho đến nay. Nay, chị L yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị Dương Thị B L và anh Thạch D C có 02 người con chung là Thạch Dương TL, sinh ngày 28/12/2010 và Thạch Dương K D, sinh ngày 19/10/2015. Chị L đang nuôi dưỡng cháu D, còn anh C đang nuôi dưỡng cháu L. Nay, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu D, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L đồng ý để anh C nuôi dưỡng cháu L, để thuận tiện việc đến trường.

Tài sản chung và nợ chung: Theo chị L khai là không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Thạch D C trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 17/9/2020: Anh C xác nhận về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung đúng như chị L trình bày. Anh C đồng ý ly hôn với chị L, do tính tình không hợp nhau. Về con chung anh C yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L, Còn cháu D anh C thống nhất để chị L nuôi dưỡng. Anh C không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung

Cháu L trình bày tại bản tự khai ngày 11/9/2020: Cháu có nguyện vọng sống với cha.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TV, tỉnh TV phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách đương sự tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, hòa giải, công khai chứng cứ, đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa xét xử sơ thẩm. Các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị B L. Cho chị Dương Thị B L được ly hôn với anh Thạch D C; giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Về án phí, chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật Tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật của vụ án và thẩm quyền giải quyết:* Chị Dương Thị B L yêu cầu được ly hôn với anh Thạch D C, yêu cầu được nuôi con chung, nên quan hệ pháp luật của vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con*” theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Thạch D C là bị đơn có nơi cư trú số 148 khóm 8, phường 6, thành phố TV, tỉnh TV nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TV, tỉnh TV theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh:* Trong vụ án này, chị L và anh C có yêu cầu nuôi con chưa thành niên, nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố TV tham phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:*

+ Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Riêng em Thạch Dương T L có đơn xin vắng mặt, do bận đi học. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Tòa án đã tiến hành tổng đạt: Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, số 169 Phạm Ngũ Lão, khóm 4, phường 1, thành phố Trà Vinh cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Chị Dương Thị B L và anh Thạch D C xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 9 (số 01/2010 Quyết định số 01 ngày 05/7/2010), thành phố TV, tỉnh TV là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống chị L và anh C sống chung hạnh phúc được một thời gian. Đến đầu năm 2020 thì chị L và anh C phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên chị L và anh C đã ly thân nhau, trong suốt thời gian ly thân hai người bỏ mặc nhau, không quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị L yêu cầu được ly hôn với anh C.

[2.2] *Về con chung:* Chị Dương Thị B L và anh Thạch D C có 02 người con chung là Thạch Dương T L, sinh ngày 28/12/2010 và Thạch Dương K D, sinh ngày 19/10/2015. Chị L đang nuôi dưỡng cháu D. Còn anh C đang nuôi

dưỡng cháu L. Luật hôn nhân gia đình năm 2014 có quy định tại khoản 2 như sau “...con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Xét thấy, từ khi chị L và anh C ly thân cho đến nay, thì cháu D vẫn do chị L nuôi dưỡng, còn cháu L do anh C nuôi dưỡng hai cháu vẫn khỏe mạnh và được đi học; cả chị L và anh C đều có việc làm, có thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi dạy con chung; cháu L thì có nguyện vọng được sống chung với cha. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu D cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Còn cháu L được giao cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu L. Anh C và chị L có quyền, nghĩa vụ tham non con không ai có quyền ngăn cản.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị L, anh C không yêu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị L, anh C khai không có, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] *Xét ý kiến của bị đơn*: Tại Biên bản ghi lời khai ngày 17/9/2020 bị đơn anh Thạch D C thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Thạch Dương T L, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] - *Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố TP*: Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh là đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] *Về án phí*: Chị Dương Thị B L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 21; Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị B L.

Cho chị Dương Thị B L được ly hôn với anh Thạch D C.

Về con chung: Giao cháu Thạch Dương T L, sinh ngày 28/12/2010 cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng. Giao cháu Thạch Dương K D, sinh ngày 19/10/2015 cho

chị Dương Thị B L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh C, chị L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L và anh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh C khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Dương Thị B L phải có nghĩa vụ chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số: 0009328 ngày 26/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TV, tỉnh TV (chuyển thành án phí).

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Thạch D C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã (phường) nơi anh C cư trú.

** Nơi nhận:*

- TAND tỉnh TV;
- VKSND TP TV;
- THADS TP TV;
- UBND phường 9;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Gấm